

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 / 2018 / DS-ST  
Ngày: 07 / 8 / 2018  
*V/v tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Châu Hùng;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-DS ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th (Út Q), sinh năm 1964, địa chỉ: tổ 5, khóm C, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị Bé N) sinh năm 1976, địa chỉ: tổ 20, khóm A, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Lê Thành Ph, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ 20, khóm A, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Thuận có mặt; Bà H (Bé N), Ông Ph đã được triệu tập 2 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày: Bà biết Ông Lê Thành Ph là cán bộ công tác ở xí nghiệp cấp nước Châu Đốc và Ông Ph có đến nhà bà gần ông nước vài lần, riêng Bé N là vợ của Ông Ph bán bún ở chợ, bà cũng thường xuyên đến quán bún của bà Bé N ăn, từ đó bà quen biết với vợ chồng Phúc, Bé N. Năm 2017, bà Bé N có đến gặp bà để hỏi vay tiền, bà có hỏi Phúc thì Phúc nói Bé N vay để làm ăn, thấy vợ chồng Phúc hiền lành và biết làm ăn buôn bán nên bà đồng ý cho Bé N vay, cụ thể:

- Lần thứ nhất cho vay ngày 07/02/2017 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng (Bé N viết giấy mượn tiền ngày 07/02/2017 trong đó ghi mượn 12.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ vay của bà 10.000.000 đồng). Bà Bé N thực hiện góp được 29 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, thành tiền 5.800.000 đồng.

- Lần thứ hai cho vay ngày 29/02/2017 âm lịch số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng (Bé N viết giấy mượn tiền ngày 07/02/2017). Bà Bé N thực hiện góp được 21 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, thành tiền 4.200.000 đồng.

- Lần thứ ba không nhớ ngày cho vay, bà Bé N nói cần tiền chuộc lại đồ (nữ trang) nên đến mượn bà số tiền 5.000.000 đồng, nói ngày sau trả lại. Bà cho mượn mà không viết biên nhận vì nghĩ bà Bé N sau khi chuộc đồ xong, bán và sẽ trả lại cho bà, tuy nhiên bà Bé N không trả.

Do Bé N không tiếp tục góp tiền và không trả 5.000.000 đồng như đã hứa, bà có đến nhà Bé N đòi tiền thì gặp Phúc mới biết Bé N đã bỏ nhà đi. Sau đó Phúc có đến gặp bà xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nay bà Bé N đã trở về nhà, nên bà yêu cầu bà Bé N và Ông Ph cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn gốc còn nợ là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Th cho biết, Bé N là tên thường gọi, tên trong giấy chứng minh nhân dân là Nguyễn Thị Thu H. Riêng tên thường gọi của bà là Út Q, tên trong giấy chứng minh nhân dân là Nguyễn Thị Bích Th.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 07/02/2017 và giấy nợ tiền ngày 29/02/2017.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thu H (Bé N) trình bày: Bà có tên thường gọi là Bé N, tên trong giấy chứng minh nhân dân là Nguyễn Thị Thu H. Bà Nguyễn Thị Bích Th có tên thường gọi là Út Quyên. Bà xác định chồng bà là Ông Lê Thành Ph.

Bà Bé N thống nhất có vay tiền 03 lần vào các ngày như Bà Th trình bày, mục đích để làm ăn. Bà thống nhất số tiền đã vay của Bà Th, nhưng không thống nhất số tiền đã góp cho Bà Th, cụ thể:

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 07/02/2017 bà góp cho Bà Th được 01 tháng, mỗi ngày góp 425.000 đồng, góp được 6.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 29/02/2017, bà góp được 20

ngày, mỗi ngày 425.000 đồng, thành tiền 4.000.000 đồng.

- Đối với khoản vay 5.000.000 đồng, bà góp mỗi ngày 25.000 đồng tiền lãi, trả lãi được 01 tháng, thành tiền 750.000 đồng.

Do khi góp tiền và trả lãi cho Bà Th Bà Th không ghi lại số tiền đã nhận và việc vay này không ai biết nên bà không có chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho Bà Th như trình bày trên. Do đó bà cũng thống nhất có góp tiền cho Bà Th như Bà Th trình bày. Bà vay tiền thì của Bà Th thì chồng bà (Ông Ph) không biết nhưng khi bà bỏ nhà đi thì Bà Th điện thoại đến đòi tiền thì Ông Ph biết việc vay tiền của bà. Ngày 02/4/2017 Ông Ph có đến nhà Bà Th trả mỗi tháng 300.000 đồng nhưng Bà Th không nhận.

Nay bà chấp nhận còn nợ Bà Th 15.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Riêng Bà Th yêu cầu chồng bà (Phúc) liên đới trả nợ thì bà không đồng ý.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, Quyết định xét xử cho Ông Ph, nhưng Ông Ph không có văn bản, ý kiến gửi Tòa và không tham gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án.

Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Bà Th vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

#### I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

#### II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22/12/2017 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày: Do quen biết cùng xóm với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bé N (H) và Ông Lê Thành Ph nên bà có cho vợ chồng bà N vay 03 lần tổng số tiền là 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau đó bà N trả được 10.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 07/02/2017 âm lịch vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, góp mỗi ngày 200.000 đồng, bà N góp được 29 ngày (từ ngày 07/02/2017 đến ngày 27/02/2017), tổng số tiền góp được là 5.800.000 đồng.

Ngày 29/02/2017 âm lịch bà N hỏi vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, góp mỗi ngày 200.000 đồng, bà N góp được 21 ngày (từ ngày 29/02/2017 đến ngày 08/3/2017), tổng số tiền góp được là 4.200.000 đồng.

Sau đó 01 tuần bà N hỏi vay thêm 5.000.000 đồng để chuộc vàng đi đám, hứa vài ngày trả, lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, bà N không trả mà bỏ đi, Ông Ph (chồng bà N) có đến xin trả dần 300.000 đồng/tháng nhưng Bà Th không nhận và kêu gọi bà N về. Sau đó, bà yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không đồng ý. Nay Bà Th khởi kiện yêu cầu bà N và Ông Ph có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn vay 15.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/4/2017 âm lịch.

Bị đơn: bà N cũng thống nhất về khoản nợ như Bà Th trình bày. Tuy nhiên, bà cho rằng mức lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, việc bà vay nợ Bà Th Ông Ph không biết, bà đồng ý trả 15.000.000 đồng cho Bà Th, xin không tính lãi. Do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần 500.000 đồng/tháng.

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Bích Th có cho bà Nguyễn Thị Bé N vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà N góp trả vốn được 10.000.000 đồng thì ngưng trả. Bà Th khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ vốn là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà N thừa nhận có thiếu tiền như Bà Th trình bày.

Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa Bà Th với bà N được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Bà Th thỏa thuận cho bà N vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng ( $2\% \times 12 = 24\%$  / năm), có ghi nhận trong biên nhận nợ với mức lãi suất này là vượt quá quy định pháp luật 20%/năm. Tuy nhiên, quá trình thực hiện thỏa thuận thì bà N chỉ mới trả vốn được 10.000.000 đồng, chưa trả lãi nên không xem xét.

Đối với việc bà N cho rằng mức lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng, là vượt quá quy định nhưng bà N lại không có chứng cứ nào chứng minh nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Ông Lê Thành Ph có trách nhiệm liên đới trả số nợ 15.000.000 đồng thì ngoài lời khai của nguyên đơn không còn chứng cứ nào chứng minh việc Ông Ph có liên quan đến việc vay nợ của bà N, không chứng minh được số tiền vay có dùng vào sinh hoạt chung gia đình hay không, biên nhận nợ chỉ có bà N ký xác nhận nên yêu cầu của Bà Th là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Bé N (Nguyễn Thị Thu H) có trách nhiệm trả cho Bà Th số tiền 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Th khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà N (H) và Ông Ph có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *Về nội dung:*

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa Bà Th với bà N và Ông Ph được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

#### [3] Về vốn vay:

Bà Nguyễn Thị Bé N thừa nhận có vay số tiền 25.000.000 đồng vốn gốc của Bà Th. Tuy bà Bé N cho rằng lãi suất 20%/tháng và có trả góp cho Bà Th (đối với tiền vay ngày 07/02/2017 là 6.000.000 đồng; đối với tiền vay ngày 29/02/2017 là 4.000.000 đồng; đối với khoản vay 5.000.000 đồng trả lãi được 750.000 đồng), nhưng bà Bé N không chứng minh được, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, chấp nhận lời khai của Bà Th là bà Bé N đã trả được 10.000.000 đồng vốn gốc, số tiền vốn gốc còn lại bà Bé N chưa trả cho Bà Th là 15.000.000 đồng. Bà Bé N vay tiền của Bà Th, nhưng không thanh toán như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ, do đó Bà Th khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ là có căn cứ, phù hợp với Điều 643, 466 Bộ luật Dân sự 2015, xét chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa, Bà Th không yêu cầu bà N trả lãi, xét có lợi cho bị đơn, nên chấp nhận.

#### [5] Về trách nhiệm liên đới:

Bà Th yêu cầu bà N và Ông Ph có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà N không đồng ý. Bà N cho rằng Ông Ph không có vay khoản tiền này. Xét biên bản lời khai của bà N ngày 18/4/2018, bà N khai mục đích bà vay tiền của Bà Th là để trả nợ cho các chủ nợ khác, ngày 02/4/2017 khi bà N bỏ đi Ông Ph có đến nhà Bà Th xin trả mỗi tháng 300.000 đồng nhưng Bà Th không nhận. Như vậy cho thấy việc bà N vay tiền là để phục vụ gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó xét chấp nhận yêu cầu của Bà Th về việc yêu cầu bà N và Ông Ph cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Th được chấp nhận yêu cầu nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N (H) và Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 280 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Bích Th;

Buộc Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị Bé N) và Ông Lê Thành Ph có trách nhiệm trả cho Bà Th số tiền 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng.

Nếu chậm trả theo thỏa thuận và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H (Nguyễn Thị Bé N) và Ông Lê Thành Ph phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Bà Th số tiền 375.000 (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số TU/2015/0015025 ngày 22/12/2017.

[3] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Th có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Bà H và Ông Ph là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lư Thị Châu Ngọc**